

Số: 29/2018/QĐST-HNGĐ

L, ngày 23 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị La Thị S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Ma Công L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị La Thị S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Ma Công L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị La Thị S được quyền nuôi dưỡng cháu Ma La Thiên A, sinh ngày 28/6/2015. Hiện cháu A đang ở cùng anh L. Anh Ma Công L có trách nhiệm giao con chung cho chị La Thị S để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể

từ khi bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật. Anh Ma Công L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị La Thị S và anh Ma Công L cùng xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị La Thị S và anh Ma Công L cùng xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị La Thị S nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị La Thị S đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0006125 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, chị La Thị S được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang, VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã X (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phúc An Hoàn

